

Số: 07/2017/QĐST - HNGĐ

Yên Mô, ngày 19 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Trần Thị Vân A**, sinh năm 1978.

Trú tại: P1007 B6, khu đô thị Mỹ Đ, đường Nguyễn Cơ Th, phường Cầu D, quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội.

Anh **Nguyễn Hữu Tr**, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn Đồng Ph, xã Khánh Th, huyện Yên M, tỉnh Ninh Bình.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Vân A**, sinh năm 1978.

Trú tại: P1007 B6, khu đô thị Mỹ Đ, đường Nguyễn Cơ Th, phường Cầu D, quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hữu Tr**, sinh năm 1974.

HKTT: Thôn Đồng Ph, xã Khánh Th, huyện Yên M, tỉnh Ninh Bình.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Giang N, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2000. vợ chồng tự thỏa thuận khi ly hôn giao cháu N cho chị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tr có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N cùng với chị A mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) kể từ tháng 02 năm 2017 cho đến khi cháu N trưởng thành. Anh Tr được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của Điều 357 Bộ luật Dân sự

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị A và anh Tr thỏa thuận chị A nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001799 ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Chị A được hoàn lại số tiền chênh lệch là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng)

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr là người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ nên anh Tr phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện Yên Mô (3);
- THADS huyện Yên Mô (1);
- UBND xã Khánh Thượng (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1); Lưu VP (1).

Thẩm phán

Đã ký
Phạm Bằng Linh